TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2019/DS-PT
Ngày: 23-8-2019
V/v tranh chấp: "*Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**
Các Thẩm phán:
1/ Ông **Vương Minh Tâm**
2/ Ông **Đặng Văn Lộc**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2018/TLPT-DS ngày 16/10/2018 về việc tranh chấp *"Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"*, do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, kháng nghị theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*:

1. Cụ **Đinh Văn H -** Nơi cư trú: Đường T, Phường 9, Quận 5, Thành phố H (chết ngày 30/12/2016).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đinh Văn H:

1.1. Bà **Mai T** (vợ cụ H) - Nơi cư trú: Đường B, Phường 9, Quận 10, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà Mai T: Ông **Đinh Thành B** – Nơi cư trú: Khu phố 5, phường T, Quận 7, Thành phố H (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2017). (Có mặt)

1.2. Ông **Đinh Thành B** (con cụ H) - Nơi cư trú: Khu phố 5, phường T, Quận 7, Thành phố H. (Có mặt)

1.3. Ông **Đinh Phước T** (con cụ H) - Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V. (Vắng)

1.4. Bà **Đinh Thị Cẩm V** (con cụ H) - Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh V. (Vắng)

1.5. Chị **Đinh Kim H** (con cụ H) - Nơi cư trú: Đường B, Phường 9, Quận 10, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của chị Đinh Kim H: Ông **Đinh Thành B –** Nơi cư trú: Khu phố 5, phường T, Quận 7, Thành phố H (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2017). (Có mặt)

2. Ông **Đinh Thành B** - Nơi cư trú: Khu phố 5, phường T, Quận 7, Thành phố H.

3. Ông **Đinh Phước T** - Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V.

4. Bà **Đinh Thị Cẩm V** - Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn Đinh Thành B, Đinh Phước T, Đinh Thị Cẩm V: Ông **Trần Minh Đ** - Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh V (Theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 24/12/2010). (Có mặt)

** Bị đơn*: Cụ **Lữ Văn B** (tên gọi khác: Lữ Văn X) - Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Lữ Văn B: Anh **Nguyễn Văn L** - Địa chỉ: Đường V, phường A, quận N, thành phố C (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2017). (Có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lữ Thị Đ** - Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V.

Người đại diện hợp hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lữ Thị Đ: Anh **Nguyễn Văn L** – Địa chỉ: Đường V, phường A, quận N, thành phố C (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2015, 05/4/2017). (Có mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn M** - Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V. (Vắng mặt)

3. Ông **Nguyễn Văn B** - Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V. (Vắng mặt)

4. Ông **Nguyễn Minh H** (Nguyễn Văn H) - Nơi cư trú: Ấp Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V. (Vắng mặt)

5. Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh V ; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã M: Ông **Phạm Văn Đ** – Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã M; là người được nguyên đơn ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2015). (Vắng mặt)

6. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh V. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T:

+ Ông **Nguyễn Quốc T** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2016). (Vắng mặt)

+ Ông **Bùi Văn P** – Chức vụ Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2015). (Vắng mặt)

7. Ông **Hồ Quan P** - Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V (chết năm 2015).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P gồm:

7.1 Anh **Hồ Quang L** (con ông P - Vắng mặt)

7.2. Chị **Hồ Thị Mộng T** (con ông P - Vắng mặt)

7.3. Anh **Hồ Quang S** (con ông P - Vắng mặt)

7.4. Anh **Hồ Quang C** (con ông P - Vắng mặt)

7.5. Bà **Lữ Thị Đ** (vợ ông P - Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V.

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông **Đinh Thành B,** ông **Đinh Phước T** và bà **Đinh Thị Cẩm V.**

* *Người kháng nghị*: **Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2011 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V có ông Trần Minh Đ làm đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cụ Phan Thị S (mất ngày 07/8/2008) là vợ của cụ Đinh Văn H, là mẹ của ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C253746, số vào sổ 14978/QSDĐ ngày 07/01/1995, thửa số 1033, diện tích 3.440m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất ruộng hai lúa tọa lạc tại ấp M3 (nay là ấp M), xã M, huyện T, tỉnh V, đang tranh chấp với cụ Lữ Văn B.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của cụ Phan Văn T và cụ Lê Thị D (là cha, mẹ ruột của cụ Phan Thị S) có diện tích 7.000m^2. Tháng 02 năm 1964, cách mạng cấp đất lại cho cụ T, cụ D diện tích 5.000m^2. Đến ngày 23/6/1964 cụ T chết, năm 1968 cụ D cũng chết. Khi cha mẹ chết thì cụ Phan Thị S tiếp tục quản lý canh tác phần đất này để thờ cúng ông bà, cha mẹ. Sau đó, vì chiến tranh, cụ S không canh tác được đất nên cho cháu là cụ Lữ Văn B mượn để canh tác, cụ S sinh sống tại xã P. Năm 1976, cụ Sáu về xã M, lúc này có Chỉ thị 100 của Chính phủ thì cụ Lữ Văn B cũng thừa nhận phần đất diện tích 5.000m^2 là của cụ S và giao lại cụ S canh tác. Khi vào tập đoàn sản xuất thì tập đoàn lấy một phần đất của cụ S diện tích 3.200m^2 giao cho ông Đinh Phước T (con cụ S) canh tác và giao cho ông Trương Văn Đ, bà Lữ Thị Đ diện tích 800m^2, còn lại 1.000m^2 thì cụ S quản lý sử dụng. Đến năm 1988 rã tập đoàn thì

ông Đinh Phước T trả lại phần đất diện tích 3.200m^2 cho cụ S, còn phía bà Lữ Thị Đ, ông Trương Văn Đ không trả lại cho cụ S.

Năm 1988, cụ S, bà V trực tiếp quản lý sử dụng phần đất tranh chấp. Năm 1989, khi đang cắt lúa mùa hè thu vào ngày 03/8/1989 thì gia đình của bà Lữ Thị Đ gồm bà Lữ Thị Đ, cụ Lữ Văn B, ông Hồ Quan P, ông Trương Văn Đ, ông Lữ Văn T đến tranh chấp dùng cây cối đánh phía gia đình của ông Đinh Thành B làm bà Đinh Thị Cẩm V bị thương; lúc này có Ủy ban nhân dân xã M giải quyết, phía cụ Lữ Văn B cũng thừa nhận sai trái và làm tờ cam kết trả lại phần đất cho cụ Phan Thị S vào ngày 03/8/1989 và sau đó cụ Lữ Văn B trả lại đất cho cụ S canh tác đến năm 1994.

Ngày 07/01/1995, cụ Sáu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 02 thửa: Thửa 1029, diện tích 740m^2, loại đất thổ quả; thửa 1033, diện tích 3.440m^2, loại đất ruộng 2 lúa, cùng tọa lạc ấp M3 (nay là ấp M), xã M, huyện T, tỉnh V.

Năm 1993 - 1994 ông Hồ Quan P, bà Lữ Thị Đ đến tranh chấp phần đất với cụ S, lúc này Ủy ban nhân dân xã M có mời các bên đến giải quyết buộc ông Đinh Phước T phải trả thành quả lao động cho cụ Lữ Văn B 160 giạ lúa. Bên ông Đinh Phước T không thống nhất nên đã làm đơn khiếu nại vì cụ S là chủ quyền phần đất nhưng lại buộc ông T trả thành quả lao động là không đúng. Lúc này Ủy ban nhân dân xã M giải quyết buộc cụ S trả thành quả lao động cho cụ Lữ Văn B 240 giạ lúa. Cụ S tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân tỉnh V. Ủy ban nhân dân tỉnh V có hướng dẫn về Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết nhưng Ủy ban nhân dân huyện T không giải quyết, hướng dẫn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T nhưng vẫn không được giải quyết.

Năm 1994, khi cụ S không chấp hành quyết định của Ủy ban nhân dân xã M bồi thường thành quả lao động cho cụ Lữ Văn B thì Ủy ban nhân dân xã M lập biên bản ngày 23/3/1994 giao đất cho bà Lữ Thị Đ, cụ Lữ Văn B quản lý sử dụng. Bà Đ quản lý sử dụng từ đó đến nay.

Ngày 07/8/2008, cụ S mất.

Do đó, cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V là người thừa kế của bà S yêu cầu:

- Buộc cụ Lữ Văn B và bà Lữ Thị Đ có trách nhiệm trả lại phần đất tranh chấp tại thửa 1033, tờ bản đồ số 3, diện tích theo đo đạc thực tế là 3.205,9m^2, loại đất ruộng 2 lúa, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V cho gia đình cụ S gồm cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V quản lý sử dụng.

- Yêu cầu cụ Lữ Văn B, bà Lữ Thị Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình cụ S (có cụ H, ông B, ông T, bà V là người thừa kế của cụ S được hưởng) do 23 năm không được canh tác thu hoạch lúa trên phần đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một năm bằng

4.700.000đ/1.000m^2 x 3.205,9 m^2 = 15.067.730đ/năm x 23 năm (từ năm 1995 đến năm 2018) với số tiền là 346.557.790đ.

** Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 18/01/2013 bị đơn cụ Lữ Văn B trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của địa chủ Nguyễn Đăng Nhiêu (Sư Nhiêu). Khi chế độ cũ ban hành luật người cày có ruộng thì có cấp cho cụ Lữ Văn B (Lữ Văn X) diện tích 5.000m^2 vào năm 1971. Cụ Lữ Văn B quản lý sử dụng đến khi giải phóng. Khi vào tập đoàn phần đất của cụ Lữ Văn B thừa ra diện tích 3.200m^2, tập đoàn lấy phần đất thừa này cấp cho ông Đinh Phước T. Đến khi rã tập đoàn ông Đinh Phước T cũng không trả đất cho cụ Lữ Văn B; từ đó phát sinh tranh chấp. Lúc này, có Chỉ thị 100 thì Ủy ban nhân dân xã M có giải quyết trả về đất gốc, cụ Lữ Văn B đồng ý giao phần đất tranh chấp cho ông Đinh Phước T quản lý sử dụng với diện tích 3.200m^2 và ông Đinh Phước T phải trả thành quả lao động cho cụ Lữ Văn B với số lúa là 160 giạ. Phía ông T không đồng ý nên khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện T. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết trả về xã M. Ủy ban nhân dân xã M mới ra quyết định buộc ông Đinh Phước T tiếp tục sử dụng đất diện tích 3,2 công thì ông T phải trả thành quả lao động bằng 224 giạ lúa cho cụ Lữ Văn B trong thời hạn 30 ngày từ ngày 10/12/1993 đến ngày 10/01/1994. Nếu quá thời hạn này thì chuyển quyền sử dụng phần đất tranh chấp cho cụ Lữ Văn B sử dụng. Năm 1994, ông Đnh Phước T giao đất cho cụ Lữ Văn B, bà Lữ Thị Đ quản lý, sử dụng cho đến nay.

Do đó, cụ Lữ Văn B (có anh Nguyễn Văn Luân làm đại diện theo ủy quyền) không đồng ý theo yêu cầu của cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C253746, số vào sổ 14978/QSDĐ ngày 07/01/1995 đối với thửa số 1033, diện tích 3.440m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất ruộng hai lúa tọa lạc tại ấp M3 (nay là ấp M), xã M, huyện T, tỉnh V và công nhận phần đất đang tranh chấp tại thửa 1033, diện tích đo đạc thực tế là 3.205,9m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V là của cụ Lữ Văn B. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Lữ Thị Đ (có anh Nguyễn Văn L làm đại diện theo ủy quyền) trình bày: Bà thống nhất ý kiến trình bày của cụ Lữ Văn B (có anh L làm đại diện theo ủy quyền), không bổ sung gì thêm.

- Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: Tại Công văn số 93/UBND-NC, ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T thể hiện như sau:

Phần đất thuộc thửa 1033, diện tích 3.440m^2, loại đất ruộng 2 lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V; phần đất này đã phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất từ năm 1989 giữa gia đình cụ Phan Thị S với gia đình cụ Lữ Văn B, đến ngày 11/5/1992 cụ Sáu xin đăng ký quyền sử dụng đất và được Hội đồng đăng ký đất xã M xét giao; nhưng vụ việc tranh chấp của hai hộ trên vẫn tiếp tục diễn ra trong năm 1993 – 1994 và đến ngày 23/3/1994 thì Ủy ban nhân dân xã M lập Biên bản buộc gia đình cụ S giao thửa số 1033, diện tích 3.440m^2, loại đất ruộng 2 lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M cho gia đình

cụ Lữ Văn B canh tác, nhưng Ủy ban nhân dân xã M không báo cáo vụ việc trên cho Ủy ban nhân dân huyện T biết để xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phan Thị S và để huyện tiếp tục giải quyết theo đúng thẩm quyền. Vì vậy, đến ngày 07/01/1995 cán bộ của Sở Địa chính Vĩnh Long phối hợp chính quyền ấp M, xã M tiến hành phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phan Thị S, trong đó có luôn thửa số 1033, diện tích 3.440m^2, loại đất ruộng 2 lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M là chưa đúng quy định. Lý do đất đang tranh chấp thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 2, Điều 38 của Luật đất đai năm 1993 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phan Thị S là sai theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T không bảo lưu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1033, diện tích 3.440m^2, loại đất ruộng 2 lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M (theo tư liệu chương trình đất) cho cụ Phan Thị S.

- *Ông Nguyễn Minh H trình bày:*

Vào năm 2000, cha ruột của ông là ông Nguyễn Văn M có chuyển đổi một phần đất của ông M với một phần đất tranh chấp tại thửa 1033 của bà Lữ Thị Đ đang canh tác. Ông M canh tác một phần đất thửa 1033 được một thời gian thì lại đổi với đất của ông Nguyễn Văn B.

Nay anh H không có ý kiến gì về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V với cụ Lữ Văn B, bà Lữ Thị Đ. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- *Ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Nguồn gốc đất khi vào tập đoàn thì do ông Đinh Phước T canh tác, khi rã tập đoàn thì cụ Lữ Văn B canh tác. Đến khoảng năm 2000 thì ông B đổi đất với ông Nguyễn Văn M, đổi 04 công của ông B lấy 04 công của ông M trong đó có một phần thửa 1033 (thửa 1033 là của ông M trước đây là do bà Lữ Thị Đ canh tác) và canh tác đến nay.

Nay ông B đồng ý trả lại thửa 1033 cho ông M, để ông M trả cho bà Lữ Thị Đ, cụ Lữ Văn B. Ông B không có ý kiến gì về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V với cụ Lữ Văn B, bà Lữ Thị Đ. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- *Ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp tại thửa 1033, diện tích 3.440m^2 của bà Lữ Thị Đ, cụ Lữ Văn B. Bà Đ đổi một phần thửa 1033 với phần đất của ông M vào năm 1987. Ông M canh tác một phần đất thửa 1033 đến năm 1990 thì ông M đổi với ông B, ông B canh tác phần đất thửa 1033 đến nay.

Nay ông M đồng ý trả lại phần đất đã đổi thửa 1033 với ông Nguyễn Văn B để ông trả bà Lữ Thị Đ, còn bà Lữ Thị Đ sẽ trả lại đất cho ông M. Ông M không có ý kiến gì về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa cụ Đinh Văn H,

ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V với cụ Lữ Văn B, bà Lữ Thị Đ. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- Ủy ban nhân xã M có ông Phạm Văn Đ làm đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Do sự việc xảy ra đã lâu, cán bộ lãnh đạo trước đây cũng đã thay đổi, hồ sơ trước đây cũng đã thất lạc nên ông không có ý kiến gì trong việc giải quyết vụ án. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Quan P gồm anh Hồ Quang L, chị Hồ Thị Mộng T, anh Hồ Quang S, anh Hồ Quang C không có ý kiến trình bày đối với vụ việc tranh chấp.

- Bà Mai T, chị Đinh Kim H có ông Đinh Thành B làm đại diện theo ủy quyền thống nhất ý kiến trình bày của ông Trần Minh Đ là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không có ý kiến bổ sung gì thêm.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 28/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là cụ Đinh Văn H (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H gồm ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V, bà Mai T, chị Đinh Kim H), ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V về việc yêu cầu buộc cụ Lữ Văn B và bà Lữ Thị Đ có trách nhiệm trả lại phần đất tranh chấp tại thửa 1033, tờ bản đồ số 3, diện tích theo đo đạc thực tế là 3.205,9m^2, loại đất ruộng 2 lúa, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V cho gia đình cụ Phan Thị S gồm cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V được quản lý sử dụng và buộc cụ Lữ Văn B, bà Lữ Thị Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình cụ S có cụ H, ông B, ông T, bà V là người thừa kế của cụ S được hưởng số tiền bị thiệt hại do 23 năm không được canh tác thu hoạch lúa trên phần đất tranh chấp với số tiền là: 346.557.790^đ (Ba trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là cụ Lữ Văn B có anh Nguyễn Văn L làm đại diện theo uỷ quyền.

2.1. Huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C253746, số vào sổ 14978/QSDĐ ngày 07/01/1995 đối với thửa số 1033, diện tích 3.440m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất ruộng hai lúa tọa lạc tại ấp M3 (nay là ấp M), xã M, huyện T, tỉnh V.

2.2. Công nhận phần đất đang tranh chấp tại thửa 1033 (thửa mới 685), diện tích đo đạc thực tế là 3.205,9m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V là của cụ Lữ Văn B.

Phần đất có vị trí, kích thước, hình thể theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Tam Bình và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tam Bình (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Bình) cung cấp ngày 25/11/2013 (kèm theo).

Cụ Lữ Văn B có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1.Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản:

- Buộc ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V phải chịu chi phí đo đạc, khảo sát thực tế và định giá tài sản là 6.244.500đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng); được khấu trừ vào số tiền đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn là ông Trần Minh Đ đã tạm nộp tổng cộng 4.244.500đ (Bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu các ngày 01/4/2013, ngày 31/12/2013 và số tiền 3.744.500đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) của bà Lữ Thị Đ đã tạm nộp; bà Đ được nhận lại số tiền còn thừa là 1.744.500đ (Một triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) tại Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Buộc ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V hoàn trả cho bà Đ số tiền đã tạm nộp chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) .

3.2. Nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi trên số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3.3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, cụ Lữ Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Đinh Thị Cẩm V phải chịu chịu 28.121.191đ (Hai mươi tám triệu một trăm hai mươi mốt ngàn một trăm chín mươi mốt đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V đã nộp là 9.719.000đ (Chín triệu bảy trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 013723 ngày 21/02/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, bà V còn phải nộp thêm số tiền là 18.402.191đ (Mười tám triệu bốn trăm lẽ hai ngàn một trăm chín mươi mốt đồng).

- Hoàn lại cụ Lữ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.010.000đ (Ba triệu không trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu số 013733 ngày 26/02/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/7/2018, các nguyên đơn ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V do ông Trần Minh Đ đại diện đã kháng cáo toàn bộ bản

án sơ thẩm: Yêu cầu gia đình cụ Lữ Văn B phải có nghĩa vụ trả lại thửa đất 1033 (thửa mới 685), diện tích 3.205,9m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V cho gia đình cụ Phan Thị S và bồi thường thiệt hại với số tiền là 47.241.400đ; bác yêu cầu phản tố của cụ Lữ Văn B vì không có căn cứ pháp luật, công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 253746 số vào sổ 14978/QSDĐ ngày 07/01/1995 cấp cho cụ Phan Thị S là đúng pháp luật. Lý do: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn.

Ngày 13/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã kháng nghị một phần đối với bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Đinh Thị Cẩm V chịu toàn bộ án dân sự sơ thẩm bằng 28.121.191đ là thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V; bà V chỉ phải chịu 7.030.200đ (tương ứng với ¼ yêu cầu bị bác).

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V xác định ông B, ông T và bà V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu gia đình cụ Lữ Văn B phải có nghĩa vụ trả cho gia đình cụ Phan Thị S thửa đất 1033 (thửa mới 685), diện tích 3.205,9m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Mỹ Phú T, xã M, huyện T, tỉnh V; công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 253746 số vào sổ 14978/QSDĐ ngày 07/01/1995 cấp cho cụ Phan Thị S là đúng pháp luật. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại, người đại diện hợp pháp của ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V trình bày số tiền mà các nguyên đơn yêu cầu gia đình cụ Lữ Văn B bồi thường thiệt hại được xác định lại là: 2.000.000đ x 3205,9m^2 / 1000m^2 x 23 năm = 147.741.400đ (do đơn kháng cáo ngày 10/7/2018 đã tính nhầm: 2.000.000đ x 3205,9m^2 / 1000m^2 x 23 năm = 47.241.400đ); đề nghị bác yêu cầu phản tố của bị đơn cụ Lữ Văn B vì không có căn cứ pháp luật. Lý do yêu cầu: Đất tranh chấp là của cụ Phan Thị S - mẹ của ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V; bà S đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất năm 1992 và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp vào năm 1995.

Người đại diện hợp pháp của cụ Lữ Văn B và bà Lữ Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm; đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình về phần án phí thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Lý do đề nghị: Phần đất tranh chấp là của gia đình bị đơn, có chứng thư quyền sở hữu của chế độ cũ cấp cho bị đơn, sau này khi có tranh chấp thì các bên đã được Ủy ban nhân dân xã M giải quyết xong bằng quyết định có hiệu lực pháp luật; gia đình bị đơn đã sử dụng đất ổn định; Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phan Thị S là không đúng quy định của pháp luật và Ủy ban nhân dân

huyện T đã có văn bản không bảo lưu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1033 đối với cụ S. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của các nguyên đơn, phía ông Lữ Văn B và bà Lữ Thị Đ không đồng ý vì yêu cầu này không có căn cứ; người đại diện hợp pháp của cụ Lữ Văn B và bà Lữ Thị Đ cho rằng việc kháng cáo bổ sung của các nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 147.741.400đ là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu do đơn kháng cáo ban đầu chỉ có 47.241.400đ và nguyên đơn kháng cáo bổ sung khi đã hết thời hạn kháng cáo.

Ông Đinh Thành B với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đinh Văn H và là người đại diện hợp pháp của bà Mai T và chị Đinh Kim H trình bày rằng phần đất tranh chấp thửa 1033 là của cụ Phan Thị S, không phải của cụ Lữ Văn B.

Bà Lữ Thị Đ với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Quan P xác định bà không đồng ý với kháng cáo của các nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn M xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án, ông M đã có ý kiến như sau:

Ông bảo lưu ý kiến mà ông đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã nêu. Ngoài ra, ông xác định giữa ông với các nguyên đơn và bị đơn có quan hệ họ hàng với nhau và không có mâu thuẫn nhau. Ông xác định phần đất tranh chấp thửa 1033 là của cụ Lữ Văn B. Khi có chủ trương đưa đất vào tập đoàn, ông và cụ Lữ Văn B cùng ký tên đưa đất vào tập đoàn. Khi cụ Lữ Văn B đưa đất vào Tập đoàn thì gia đình cụ Phan Thị S không ai tranh chấp và cũng không có người nào khác tranh chấp. Khi vào tập đoàn, tập đoàn đã lấy 03 công đất của cụ Lữ Văn B để giao khoán cho gia đình cụ S. Khi rã tập đoàn, gia đình cụ S không giao trả đất lại cho cụ Lữ Văn B nên hai bên phát sinh tranh chấp. Ông không nghe ai nói cụ Lữ Văn B mượn đất của cụ S. Từ năm 1975 trở về trước, gia đình cụ S gồm cụ S, cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V cùng sinh sống tại Thành phố H. Sau năm 1975, cả gia đình cụ S mới về ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V để sinh sống. Hiện nay, ông Đinh Thành B và ông Phước T đang sinh sống tại Thành phố H, chỉ có bà Đinh Thị Cẩm V là sinh sống bên chồng tại huyện T, tỉnh V nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể.

Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án, Ủy ban nhân dân huyện T đã có văn bản xác định về mặt nội dung: Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phan Thị S đối với thửa số 1033, diện tích 3.440m^2, loại đất ruộng 2 lúa, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V vào năm 1995 là không đúng đối tượng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Kiểm sát viên xác định Viện kiểm sát thay đổi một phần kháng nghị, xác định số tiền án phí sơ thẩm mà bà Đinh Thị Cẩm V phải chịu là ¼ số tiền án phí sơ thẩm mà các nguyên đơn phải chịu trên số tiền yêu cầu bồi thường 147.741.400đ không được chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí; bác kháng cáo của các đồng nguyên đơn. Những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh V, Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh V, ông Nguyễn Văn M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đinh Văn H là ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Quan P là anh Hồ Quang L, chị Hồ Thị Mộng T, anh Hồ Quang S, anh Hồ Quang C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Minh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về việc thay đổi kháng cáo của các nguyên đơn đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại (từ 47.241.400đ lên 147.741.400đ) sau khi đã hết thời hạn kháng cáo, xét thấy, các nguyên đơn đã ghi nhầm số tiền trong đơn kháng cáo (2.000.000đ x 3205,9m^2 / 1000m^2 x 23 năm = 47.241.400đ) nên việc xác định lại số tiền này cho đúng (2.000.000đ x 3205,9m^2 / 1000m^2 x 23 năm = 147.741.400đ) là không thuộc trường hợp thay đổi kháng cáo vượt quá phạm vi đơn kháng cáo ban đầu theo quy định tại Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đối với phần án phí sơ thẩm, xét thấy, việc thay đổi kháng nghị này không vượt quá phạm vi kháng nghị ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát.

Do đó, về tố tụng, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo của các nguyên đơn và việc thay đổi kháng nghị của Viện khiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Đối với kháng cáo của ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V về việc yêu cầu gia đình ông Lữ Văn B phải có trách nhiệm trả lại thửa đất 1033 (thửa mới 685), diện tích 3.205,9m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V cho gia đình bà Phan Thị S và bồi thường thiệt hại do mất thu nhập là 147.741.400đ; bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lữ Văn B

vì không có căn cứ pháp luật, công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 253746 số vào sổ 14978/QSDĐ ngày 07/01/1995 cấp cho bà Phan Thị S là đúng pháp luật, xét thấy:

Các nguyên đơn cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V, bị đơn Lữ Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Thị Đ tranh chấp quyền sử dụng đối với thửa đất số 1033 (số thửa mới là 685), diện tích 3.205,9m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Các đương sự này không thống nhất nhau về việc xác định nguồn gốc của thửa đất. Các nguyên đơn cho rằng nguồn gốc của đất 1033 là của cụ Phan Thị S nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là đất của cụ S và không chứng minh được cụ S là người sử dụng đất ổn định thửa đất này; các nguyên đơn cung cấp được chứng minh cụ S là người kê khai đăng ký thửa đất 1033 và đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tuy nhiên, cụ Sáu đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất này trong khi thửa đất đang có tranh chấp và cụ S không phải là người sử dụng đất ổn định; phía cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Ủy ban nhân dân huyện T đã có văn bản không bảo lưu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1033 cho cụ S và xác định việc cấp này là không đúng thủ tục (do đất đang tranh chấp) và cấp không đúng đối tượng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Thị Đ cho rằng thửa đất này là của cụ Lữ Văn B (Lữ Văn X); chứng cứ chứng minh là chứng thư cấp quyền sở hữu của chế độ cũ cấp cho cụ B, các quyết định giải quyết của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh V đã có hiệu lực pháp luật, cụ Lữ Văn B là người sử dụng đất ổn định, có xác nhận của những người làm chứng là người thân của cả hai bên đương sự và những người dân sống lâu năm tại địa phương. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình cụ Lữ Văn B sử dụng ổn định. Xét thấy, mặt dù phần đất này đã được cụ S kê khai, đăng ký vào năm 1992 và sau đó đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 nhưng việc cấp này là không đúng quy định của pháp luật cả về thủ tục và nội dung. Việc Ủy ban nhân dân huyện T không bảo lưu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1033 đối với cụ S là có căn cứ, phù hợp với Điều 2 của Luật đất đai 1993. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V về việc buộc gia đình cụ Lữ Văn B phải có trách nhiệm trả lại thửa đất 1033 (thửa mới 685), diện tích 3.205,9m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V cho gia đình cụ Phan Thị S và bồi thường thiệt hại do mất thu nhập là 147.741.400đ; không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn về việc bác yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 253746 số vào sổ 14978/QSDĐ ngày 07/01/1995 cấp cho bà Phan Thị S là đúng pháp luật.

[4] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình về việc sửa án phí sơ thẩm, xét thấy:

Vụ án có 04 nguyên đơn là cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V cùng khởi kiện về cùng nội dung đối với cụ Lữ Văn B. Do yêu cầu của các nguyên đơn không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải cùng chịu toàn bộ án phí sơ thẩm; do cụ H, ông B và ông T là những người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí; riêng bà V không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu ¼ án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V chịu toàn bộ án phí sơ thẩm của 04 nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, kháng nghị về việc buộc bà V chịu ¼ án phí sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các quy định trên nên được chấp nhận. Như vậy, án phí dân sự sơ thẩm mà bà V phải chịu là:

Số tiền án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu trả đất không được chấp nhận: 200.000đ.

Số tiền án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận: ¼ x 147.741.400đ x 5% = 1.846.700đ.

Tổng cộng: 2.046.700đ.

[5] Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản:

Do yêu cầu của các nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V phải chịu chi phí đo đạc, khảo sát thực tế và định giá tài sản là 6.244.500đ theo quy định tại các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn đã nộp tổng cộng là 4.244.500đ và số tiền tạm ứng mà bà Lữ Thị Đ đã nộp là 3.744.500đ. Bà Đ được nhận lại số tiền còn thừa là 1.744.500đ. Buộc ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đ số tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 2.000.000đ.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên các nguyên đơn Đinh Thành B, Đinh Phước T và Đinh Thị Cẩm V phải chịu án phí phúc thẩm. Do ông B và ông T là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông B và ông T; hoàn trả lại cho ông B và ông T mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà các ông đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Bà V phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long về phần án phí dân sự sơ thẩm.

1. Áp dụng các Điều 604, Điều 608 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 584, Điều 589, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là cụ Đinh Văn H (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ H gồm ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V, bà Mai T, chị Đinh Kim H), ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V về việc: Yêu cầu buộc cụ Lữ Văn B và bà Lữ Thị Đ có trách nhiệm trả lại phần đất tranh chấp tại thửa 1033, tờ bản đồ số 3, diện tích theo đo đạc thực tế là 3.205,9m^2, loại đất ruộng 2 lúa, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V cho gia đình cụ Phan Thị S gồm cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V được quản lý sử dụng và buộc cụ Lữ Văn B, bà Lữ Thị Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình cụ S có cụ H, ông B, ông T, bà V là người thừa kế của cụ S được hưởng số tiền bị thiệt hại do 23 năm không được canh tác thu hoạch lúa trên phần đất tranh chấp với số tiền là 147.741.400đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi mốt ngàn bốn trăm đồng).

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là cụ Lữ Văn B.

+ Huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành C 253746, số vào sổ 14978/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh V cấp cho cụ Phan Thị S ngày 07/01/1995, đối với thửa đấtvsố 1033, diện tích 3.440m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất ruộng hai lúa, tọa lạc tại ấp M3 (nay là ấp M), xã M, huyện T, tỉnh V.

+ Công nhận phần đất đang tranh chấp tại thửa 1033 (thửa mới 685), diện tích đo đạc thực tế là 3.205,9m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh V là của cụ Lữ Văn B.

Phần đất có vị trí, kích thước, hình thể theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tam Bình (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Bình) cung cấp ngày 25/11/2013 (Đính kèm bản án).

Cụ Lữ Văn B có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về chi phí tố tụng:

- *Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản:* Căn cứ Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Buộc ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T, bà Đinh Thị Cẩm V phải chịu chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 6.244.500đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là ông Trần Minh Đ đã tạm nộp tổng cộng 4.244.500đ (Bốn triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) theo các biên lai thu ngày 01/4/2013 và ngày 31/12/2013, và số tiền tạm ứng mà bà Lữ Thị Đ đã nộp là 3.744.500đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng). Bà Lữ Thị Đ được nhận lại số tiền còn thừa là 1.744.500đ (Một triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Buộc ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lữ Thị Đ số tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về án phí:* Căn cứ các Điều 147 và 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

+ Án phí sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B và ông Đinh Phước T. Cụ Lữ Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Đinh Thị Cẩm V phải chịu 2.046.700đ (Hai triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà các nguyên đơn đã nộp là 9.719.000đ (Chín triệu bảy trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 013723 ngày 21/02/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; số tiền chênh lệch là 7.672.300đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm đồng) được hoàn trả lại cho cụ Đinh Văn H, ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V.

Hoàn trả cho cụ Lữ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.010.000đ (Ba triệu không trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu số 013733 ngày 26/02/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

+ Án phí phúc thẩm:

Ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Đinh Thành B, ông Đinh Phước T và bà Đinh Thị Cẩm V mỗi người 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà người đại diện hợp pháp

của các ông, bà đã nộp theo các biên lai thu số 0011093, 0011092 và 0011091 cùng ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Tam Bình;
- Chi cục THA huyện Tam Bình;
- Đ/s;
- Lưu: Tòa Dân sự; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà